

Bản án số: 149/2023/DS-PT

Ngày: 30/3/2023

*Tranh chấp hợp đồng, bồi thường thiệt
hại tài sản*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 162/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng, bồi thường thiệt hại tài sản” do có kháng cáo của Nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2457/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2022 giữa:

*** Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T1, chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty; Địa chỉ: Số 625, Chung cư S1, phường M, thành phố V, tỉnh P; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thế L; Địa chỉ: Số 21, đường T, phường N, quận Đ, thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 29/11/2021); Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty: Ông Trần Thiện T3 - Luật sư Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt.

*** Bị đơn:** UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1), tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T3, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) và ông Bùi Văn L1, Luật sư Văn phòng Luật sư T4, đoàn Luật sư tỉnh T; Vắng mặt ông T3, có mặt ông L1.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. UBND phường B1, thị xã P1 (nay là thành phố P1), tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Bá T5, chức vụ: Chủ tịch UBND phường; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn L1, Luật sư Văn phòng Luật sư T4, đoàn Luật sư tỉnh T; Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Việt H1, chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh T; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Minh L2, chức vụ: Phó Chánh Thanh tra tỉnh T; Có mặt.

3. Sở Xây dựng tỉnh T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đức K, chức vụ: Giám đốc Sở Xây dựng; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn V1, chức vụ: Chánh thanh tra Sở Xây dựng tỉnh T; Có mặt.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn L, chức vụ: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Minh S2, chức vụ: Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/11/2018, UBND phường B1 khởi kiện đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S (sau đây gọi tắt là Công ty), có nội dung: Ngày 14/12/2009, UBND thị trấn B1 (nay là phường B1) ký với Công ty hợp đồng không số đầu tư xây dựng, khai thác, quản lý, kinh doanh chợ Trung tâm thị trấn B1 (nay là phường B1) huyện P1 (nay là thành phố P1). Theo hợp đồng thì UBND thị trấn B1 (nay là phường B1) là bên A giao cho Công ty là bên B đầu tư xây dựng, khai thác, quản lý, kinh doanh chợ Trung tâm thị trấn B1 trong thời gian 49 năm. Bên B phải đầu tư khoảng 15 tỷ đồng để xây dựng chợ. Thời gian xây dựng chia thành 5 giai đoạn, từ năm 2009 đến năm 2020. Hết thời gian 49 năm bên B bàn giao toàn bộ công trình xây

dựng cho bên A quản lý. Trong quá trình thực hiện bên A đã phải di dời toàn bộ các hộ kinh doanh tại chợ cũ đến chợ tạm để bàn giao mặt bằng xây dựng. Bên B tiến hành xây dựng các hạng mục công trình nhưng không theo báo cáo kinh tế kỹ thuật được phê duyệt, không đúng quy hoạch theo giấy phép xây dựng, không đảm bảo tiến độ xây dựng. Theo giấy chứng nhận đầu tư từ năm 2009 đến năm 2011 bên B phải xây dựng xong các quầy hàng, kiốt, hệ thống giao thông, các công trình phụ trợ và chợ đầu mối; Từ năm 2015 đến năm 2020 xây dựng xong siêu thị tổng hợp 3 tầng trong khu vực chợ, nhưng đến nay hệ thống các kiốt chưa xây dựng hoàn chỉnh, chưa xây dựng chợ đầu mối và siêu thị tổng hợp 3 tầng. Bên B giao mặt bằng cho các hộ tư thương tự xây dựng quầy hàng không theo quy hoạch tổng thể đã được Sở Xây dựng phê duyệt, thu tiền sử dụng mặt bằng không đúng quy định của UBND tỉnh T. UBND thị trấn B1 (nay là phường B1) ký hợp đồng kinh tế BOT với Công ty không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/NĐ-CP ngày 11/5/2007 của Chính phủ. Quá trình thực hiện dự án Công ty đã có nhiều sai phạm như thực hiện sai dự án được duyệt, xây dựng sai quy hoạch được duyệt, thực hiện không đúng tiến độ so với giấy phép đầu tư, không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ đăng ký, kê khai, nộp thuế theo quy định của Luật thuế. Nay UBND phường B1 khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố:

- Hợp đồng không số ký ngày 14/12/2009 giữa UBND thị trấn B1 (nay là UBND phường B1) với Công ty vô hiệu.

- Buộc Công ty phải tháo dỡ công trình đã xây dựng trên diện tích đất 9.453m² để trả lại mặt bằng cho UBND phường B1.

- Thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000011 ngày 22/3/2010 của UBND tỉnh T và Giấy phép xây dựng số 69/GPXD ngày 19/8/2011 của Sở Xây dựng tỉnh T đã cấp cho Công ty.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 227501 ngày 05/5/2010 của UBND tỉnh T đã cấp cho Công ty.

Tại phiên tòa, UBND phường B1 thay đổi nội dung khởi kiện. UBND phường B1 đề nghị Tòa án hủy hợp đồng không số được ký ngày 14/12/2009 giữa UBND thị trấn B1 (nay là phường B1) với Công ty và giải quyết hậu quả pháp lý. Các yêu cầu khác như: Buộc Công ty phải tháo dỡ công trình đã xây dựng trên diện tích đất 9.453m² để trả lại mặt bằng cho UBND phường B1. Thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000011 ngày 22/3/2010 của UBND tỉnh T và Giấy phép xây dựng số 69/GPXD ngày 19/8/2011 của Sở Xây dựng tỉnh T đã cấp cho Công ty. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 227501 ngày 05/5/2010 của UBND tỉnh T đã cấp cho Công ty thì UBND phường B1 xin rút các yêu cầu này.

Tại các bản tự khai Công ty trình bày: Căn cứ vào quy định của pháp luật thì hợp đồng không số ký ngày 14/12/2009 và phụ lục hợp đồng ký ngày 29/11/2013 giữa UBND thị trấn B1 (nay là phường B1) với Công ty là hoàn

toàn đúng quy định của pháp luật, được các cấp có thẩm quyền tỉnh T thẩm định đồng ý, làm cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận đầu tư và giấy phép xây dựng, do vậy không đồng ý với yêu cầu của UBND phường B1. Tại phiên tòa phía Công ty và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Công ty nhất trí với việc rút những yêu cầu khởi kiện của UBND phường B1 và đồng ý chấm dứt hợp đồng không số ký ngày 14/12/2009 giữa UBND thị trấn B1 (nay là phường B1) với Công ty.

Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2019, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S (gọi tắt là Công ty) khởi kiện yêu cầu UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) bồi thường thiệt hại 32.979.995.061đ (ba mươi hai tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm sáu mươi mốt đồng). Lý do yêu cầu phải bồi thường là do UBND thị xã P1 đã thu hồi phần diện tích đất 1.416,4m² mà Công ty đã xây dựng để làm đường, gây ảnh hưởng cảnh quan, môi trường kinh doanh, phá vỡ quy hoạch.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/7/2020, Công ty yêu cầu UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) bồi thường thiệt hại 100 tỷ (một trăm tỷ đồng). Lý do yêu cầu bồi thường là theo cam kết tại bản phụ lục hợp đồng ngày 29/11/2013 giữa Công ty đã ký với UBND thị trấn B1 (nay là phường B1). Tại phiên tòa, Công ty khởi kiện bổ sung yêu cầu UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) phải bồi thường 137 tỷ (một trăm ba mươi bảy tỷ đồng).

UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) trình bày: Ngày 14/12/2009, Công ty và UBND thị trấn B1 (nay là phường B1) có ký hợp đồng không số đầu tư xây dựng, khai thác, quản lý, kinh doanh chợ Trung tâm thị trấn B1, huyện P1 (nay là thành phố P1). Thời gian kinh doanh 49 năm. Công ty được UBND tỉnh T cấp giấy chứng nhận đầu tư và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích là đất chợ, thời hạn sử dụng đến 22/3/2059. Để thực hiện dự án về an ninh quốc phòng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ tịch UBND tỉnh T đã ra Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 15/10/2016 về việc ủy quyền cho UBND huyện P1 (nay là thành phố P1) thu hồi đất. Ngày 03/11/2016 UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) ra quyết định thu hồi diện tích 1.415,4m² đất của chợ B1 và Quyết định số 7694/QĐ-UBND về việc bồi thường cho Công ty. Ngày 23/5/2017, UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) đã chi trả đầy đủ tiền bồi thường cho Công ty và các hộ kinh doanh. Việc thu hồi một phần đất chợ B1 và đất của các tổ chức cá nhân trên tuyến đường vào dự án là theo quyết định của Thủ tướng chính phủ. Thu hồi đất là thực hiện mục tiêu quốc phòng, an ninh của Quốc gia, không phải vì mục tiêu kinh tế, xã hội của địa phương. Các thủ tục đền bù và mức đền bù UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Nghị định của Chính phủ và các quy định của tỉnh T về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Vì vậy UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh T trình bày: Căn cứ vào ý kiến của các ngành chức năng như Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Công thương. Ngày 23/11/2009 UBND tỉnh T có Văn bản số 2012/UBND-TH về việc chấp thuận chủ trương cho Công ty đầu tư xây dựng chợ Trung tâm thị trấn B1 theo hình thức BOT và ủy quyền cho UBND huyện P1 (nay là thành phố P1) ký hợp đồng với nhà đầu tư. Ngày 02/12/2009 UBND huyện P1 (nay là thành phố P1) đã giao cho UBND thị trấn B1 (nay là phường B1) trực tiếp ký hợp đồng và thực hiện dự án với Công ty. Việc UBND huyện P1 giao cho UBND thị trấn B1 ký hợp đồng là không đúng thẩm quyền. Nội dung của hợp đồng không đảm bảo theo Điều 15 Nghị định số 78/2007/NĐ-CP ngày 11/5/2007 của Chính phủ. Từ khi ký hợp đồng đến nay phía doanh nghiệp chưa xây dựng được các công trình theo dự án được phê duyệt, bên cạnh đó doanh nghiệp có nhiều sai phạm dẫn đến việc thực hiện dự án không có hiệu quả. Theo kết quả thẩm định ngày 20/4/2021 thì mới có 59 kiốt được xây dựng, một dãy nhà xây 11 gian, một nhà đình mái lợp tôn, 10 dãy nhà mái tôn và các công trình phụ trợ khác, giá trị còn lại tổng cộng 6.528.897.284đ. Quá trình thực hiện dự án nhà đầu tư có nhiều sai phạm nhưng lại không hợp tác với các cơ quan chính quyền địa phương. Ngày 08/4/2014, UBND tỉnh T đã có Quyết định số 654/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 227501 cấp ngày 05/5/2010 cho Công ty do cấp chưa đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của UBND tỉnh T:

- Về yêu cầu khởi kiện của UBND phường B1: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của UBND phường B1, tuyên chấm dứt hợp đồng không số được ký ngày 14/12/2009 giữa UBND thị trấn B1 (nay là phường B1) với Công ty và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định.

- Về yêu cầu khởi kiện của Công ty yêu cầu UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) bồi thường 100 tỷ (một trăm tỷ đồng): Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Công ty với lý do UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) thu hồi diện tích 1.416,4m² đất của chợ Trung tâm thị trấn B1 là vì mục đích quốc phòng, an ninh căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013 và thực hiện Quyết định số 4519/QĐ-BQP ngày 22/11/2011 của Bộ quốc Phòng. Phụ lục hợp đồng mà hai bên ký ngày 29/11/2013 đã được Trung tâm tư vấn, giám định dân sự thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam kết luận không có thật. Như vậy không có việc hai bên ký phụ lục hợp đồng ngày 29/12/2013 như phía Công ty đưa ra.

2. Người đại diện theo ủy quyền của Sở Xây dựng tỉnh T trình bày: Việc cấp Giấy phép xây dựng số 69/GPXD ngày 19/8/2011 của Sở Xây dựng tỉnh T là đúng quy định của Luật Xây dựng số 16/2003/QH13 ngày 26/11/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Người đại diện theo ủy quyền của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T trình bày: Tại thời điểm đăng ký Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000011 do UBND tỉnh T cấp ngày 22/3/2010 phù hợp với quy định của Luật Đầu tư năm 2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 37, 42, 147 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 422, 423, 427 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định số 78/2007/NĐ-CP ngày 11/5/2007 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của UBND phường B1 đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S. Chấm dứt hợp đồng ký ngày 14/12/2009 giữa UBND thị trấn B1 (nay là phường B1) với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của UBND phường B1 đối với các yêu cầu khởi kiện sau:

- Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S phải tháo dỡ công trình đã xây dựng trên diện tích đất 9.453m² để trả lại mặt bằng cho UBND phường B1.

- Thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000011 ngày 22/3/2010 của UBND tỉnh T và Giấy phép xây dựng số 69/GPXD ngày 19/8/2011 của Sở Xây dựng tỉnh T đã cấp cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 227501 ngày 05/5/2010 của UBND tỉnh T đã cấp cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S. UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) thanh toán trả cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S số tiền: 7.237.129.866đ (bảy tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi sáu đồng). UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt số tài sản trên diện tích đất theo biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 29/6/2021 (có sơ đồ trích đo diện tích đất kèm theo bản án).

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) tỉnh T không tự nguyện thi hành

số tiền trên thì phải thực hiện trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S trả lại cho UBND phường B1 7.500.000đ (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

5. Về chi phí giám định: Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S phải trả lại cho UBND phường B1 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, UBND phường B1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S không tự nguyện thi hành số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/4/2022, nguyên đơn là Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng xuất nhập khẩu S do bà Nguyễn Thị T1 là Tổng Giám đốc Công ty làm đại diện hợp pháp có đơn kháng cáo hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng xuất nhập khẩu S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền và Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Công ty S trình bày quan điểm: Bản án sơ thẩm đã không xem xét lỗi của bị đơn, thiệt hại trực tiếp, gián tiếp mà nguyên đơn phải gánh chịu để áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Bản án nhận định Công ty S có lỗi nhưng không xác định cụ thể là lỗi gì? Bản án sơ thẩm nêu không đúng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có tình làm sai lệch những nội dung của phía nguyên đơn trình bày; không giải quyết những thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng không số ký năm 2009; Không xem xét lỗi và hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng của UBND thành phố P1. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy Bản án sơ thẩm để trả hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Ông Bùi Văn L1 đại diện cho phía bị đơn và UBND phường B1 trình bày quan điểm: Theo nội dung khởi kiện UBND phường B1 tham gia với tư cách Nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu nhưng tại phiên tòa sơ thẩm đã thay đổi nội dung khởi kiện đề nghị hủy hợp đồng với Công ty S. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện có lợi cho người bị khởi kiện vì chấp nhận giải quyết hậu quả khi hủy hợp đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với 03 yêu

cầu khởi kiện mà UBND đã rút và chấp nhận yêu cầu còn lại là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các hộ kinh doanh trong chợ đã ký hợp đồng trực tiếp với Công ty. Phía UBND phường B1 không được thông báo danh sách các hộ kinh doanh thuê kiot nên khi UBND phường B1 làm đơn khởi kiện thì có khoảng 20 hộ kinh doanh đến trình bày, đưa ra hợp đồng thuê kiot với công ty nên đây là thỏa thuận dân sự giữa người dân với Công ty. Về phần tài sản của những hộ kinh doanh đã đầu tư xây dựng kiot trong chợ đã có định giá tài sản trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nên Công ty có trách nhiệm giải quyết với những hộ kinh doanh đã ký hợp đồng. Nếu sau khi giải quyết xong tranh chấp giữa UBND phường B1 và Công ty S mà các hộ kinh doanh vẫn có mong muốn tham gia hoạt động tại chợ thì phía chính quyền sẽ đảm bảo quyền lợi cho người dân được tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng không phải với UBND phường B1 mà sẽ thông qua doanh nghiệp công ích hoặc doanh nghiệp thương mại khác.

Về nội dung kháng cáo của Công ty S: Phụ lục hợp đồng ký ngày 29/11/2013 là không có thật đã được chứng minh và Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào yêu cầu thực tế và nội dung khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết vụ án. Nhất trí với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Bản án số 04/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã có những vi phạm như sau:

- Vụ án dân sự do Tòa án nhân dân thị xã P1, tỉnh T đã thụ lý vụ án dân sự số 09/2019/TLST-DS ngày 11/4/2019 và Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu giữa nguyên đơn là UBND thị trấn B1 và bị đơn là Công ty S. Còn vụ án dân sự do Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý số 05/2020/TLST-DS ngày 08/5/2020 về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng giữa nguyên đơn là Công ty S và bị đơn là UBND thị xã P1, tỉnh T. Như vậy, hai nguyên đơn khác nhau khởi kiện hai bị đơn khác nhau với các quan hệ pháp luật tranh chấp cũng khác nhau, trong đó việc giải quyết vụ án do Tòa án thị xã P1 thụ lý số 09/2019/TLST-DS ngày 11/4/2019 là cơ sở cho việc giải quyết quan hệ pháp luật tranh chấp tại vụ án do Tòa án tỉnh T thụ lý số 05/2020/TLST-DS ngày 08/5/2020. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh T nhập hai vụ án thành một để giải quyết là không đúng quy định của pháp luật.

- Từ việc nhập vụ án không đúng dẫn đến việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự cũng không đúng. Tại vụ án do Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý vụ số 07/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì UBND thị trấn B1 tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và Công ty

S tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn. Tuy nhiên, sau khi Tòa án tỉnh T nhập hai vụ án thành một thì tư cách nguyên đơn của UBND thị trấn B1 và tư cách bị đơn của Công ty S đều không còn. Mặc dù vậy, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét, giải quyết các yêu cầu khởi kiện của UBND phường B1 dù không phải là nguyên đơn trong vụ án là không đúng quy định của pháp luật; Tòa án nhân dân tỉnh T không đưa những hộ kinh doanh đã ký hợp đồng thuê kiốt với Công ty S vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

- Ngày 30/10/2019, Công ty S khởi kiện yêu cầu UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) bồi thường thiệt hại số tiền 32.979.995.061đ. Sau nhiều lần thay đổi, tại phiên tòa sơ thẩm Công ty S yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố P1 phải bồi thường số tiền 137 tỷ đồng. Việc Công ty S nâng mức yêu cầu bồi thường vẫn trong phạm vi khởi kiện ban đầu, nhưng Tòa án nhân dân tỉnh T lại nhận định việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty S vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chỉ xem xét đối với yêu cầu bồi thường 100 tỷ là không đúng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, UBND phường B1 giữ nguyên yêu cầu chấm dứt Hợp đồng không số được ký ngày 14/12/2009 giữa UBND thị trấn B1 với Công ty S và Công ty S cũng đồng ý không tiếp tục thực hiện hợp đồng này. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định đây là sự thỏa thuận của các đương sự tuy nhiên, tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của UBND phường B1, chấm dứt Hợp đồng ký ngày 14/12/2009 giữa UBND thị trấn B1 với Công ty S mà không ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự về vấn đề này là không đúng.

- Về án phí: Do Tòa án nhân dân tỉnh T xác định sai phạm vi khởi kiện nên không xem xét yêu cầu bồi thường 137 tỷ đồng của Công ty S, dẫn đến việc tính án phí đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 92.762.880.134đ trên số tiền yêu cầu bồi thường là 100.000.000.000đ là không đúng.

Bản án số 04/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty S về việc hủy bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy Bản án số 04/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Ngày 11/4/2019, Tòa án nhân dân thị xã P1, tỉnh T đã thụ lý vụ án dân sự số 09/2019/TLST-DS và ngày 16/8/2019 Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu giữa: Nguyên đơn là UBND thị trấn B1 và Bị đơn là Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng xuất nhập khẩu S (Viết tắt là Công ty S), Người có quyền lợi liên quan gồm 25 người (trong đó có 20 người là đại diện cho các hộ kinh doanh đã ký hợp đồng thuê kiốt với Công ty S).

Ngày 08/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý vụ án dân sự số 05/2020/TLST-DS về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng giữa: Nguyên đơn là Công ty S và Bị đơn là UBND thị xã P1, tỉnh T. Mặc dù hai nguyên đơn khác nhau khởi kiện hai bị đơn khác nhau với các quan hệ pháp luật tranh chấp cũng khác nhau, tuy nhiên 02 vụ án đều liên quan đến hợp đồng đầu tư xây dựng không số được ký ngày 14/12/2009 giữa UBND thị trấn B1 (nay là phường B1) với Công ty S.

Tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc nhập vụ án được quy định như sau: Tòa án nhập hai hoặc nhiều vụ án mà Tòa án đã thụ lý riêng biệt thành một vụ án để giải quyết nếu việc nhập và việc giải quyết trong cùng một vụ án đảm bảo đúng pháp luật. Trong trường hợp này Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định nhập 02 vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở. Tuy nhiên sau khi nhập hai vụ án thành một thì tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự không thay đổi, Tòa án cấp sơ thẩm cần xác định và ghi rõ nguyên đơn, bị đơn, người liên quan trong quan hệ pháp luật tranh chấp nào vì hai nguyên đơn có nội dung khởi kiện khác nhau.

Nguyên đơn là UBND thị trấn B1 thì bị đơn là Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng xuất nhập khẩu S, người có Người có quyền lợi liên quan gồm 25 người (trong đó có 20 người là đại diện cho các hộ kinh doanh đã ký hợp đồng thuê kiốt với Công ty S) theo thông báo thụ lý số 07/TB-TLVA ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T về tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu”. Quá trình giải quyết vụ án nếu có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đề nghị liên quan đến tranh chấp trên thì cần bổ sung họ vào tham gia tố tụng để giải quyết triệt để vụ án.

Nguyên đơn là Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng xuất nhập khẩu S và Bị đơn là UBND thị xã P1.

Sau khi nhập vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định Nguyên đơn là Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S và bị đơn là UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1), tỉnh T; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: UBND phường B1, UBND tỉnh T, Sở Xây dựng tỉnh T, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T. Tư cách nguyên đơn của UBND thị trấn B1, tư cách bị đơn của Công ty S không còn. Tuy nhiên bản án sơ thẩm vẫn xem xét, giải quyết các yêu cầu khởi kiện của UBND thị trấn B1 là không đúng quy định của pháp luật; không đưa những hộ kinh doanh đã ký hợp đồng thuê kiốt với Công ty S vào

tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Bản án sơ thẩm nhận định: tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị không giải quyết nội dung có liên quan đến các hộ kinh doanh tại chợ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng bản án lập luận như vậy là không đúng sự thật khách quan. Trong vụ án này trường hợp nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu nhưng quá trình giải quyết vụ án nhận thấy quyết định của bản án có ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác thì Tòa án phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về xác định phạm vi yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2019, Công ty S khởi kiện yêu cầu UBND thị xã P1 (nay là thành phố P1) bồi thường thiệt hại số tiền 32.979.995.061đ. Sau nhiều lần thay đổi và đã nộp bổ sung tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đến phiên tòa sơ thẩm, Công ty S yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố P1 phải bồi thường số tiền 137 tỷ đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn có quyền thay đổi, bổ sung, nội dung yêu cầu khởi kiện, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện và Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu (khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự). Việc Công ty S nâng mức yêu cầu bồi thường nếu không phải xác minh, không phải tiến hành lại phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cần thu thập thêm tài liệu chứng cứ mới để chứng minh, không làm xuất hiện người tham gia tố tụng mới, không nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án thì được xác định trong phạm vi khởi kiện ban đầu. Những nội dung trên chưa được Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá và xem xét, bản án nhận định việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty S vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chỉ xem xét đối với yêu cầu bồi thường 100 tỷ là thiếu căn cứ. Do xác định chưa đúng phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không xem xét yêu cầu bồi thường 137 tỷ đồng của Công ty S, dẫn đến việc tính án phí đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 92.762.880.134đ trên số tiền yêu cầu bồi thường là 100 tỷ là không chính xác gây thiệt hại đến quyền lợi của Nhà nước.

[1.3]. Theo đơn khởi kiện UBND phường B1 đề nghị tuyên bố hợp đồng không số ký ngày 14/12/2009 giữa UBND thị trấn B1 (nay là UBND phường B1) với Công ty S vô hiệu. Tại phiên tòa sơ thẩm, UBND phường B1 thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị: Hủy hợp đồng và giải quyết hậu quả pháp lý; người đại diện theo ủy quyền của Công ty S có ý kiến: *“Không đầu tư nữa và đề nghị giải quyết hậu quả của việc UBND gây ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và đề nghị bồi thường”*. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung câu trả lời của Công ty S. Bản án sơ thẩm nhận định UBND phường B1 giữ nguyên yêu cầu chấm dứt Hợp đồng không số được ký ngày 14/12/2009 giữa UBND thị trấn B1 với Công ty S và Công ty S cũng đồng ý không tiếp tục thực hiện hợp đồng này,

nhận định đây là sự thỏa thuận của các đương sự và ghi nhận sự thỏa thuận này. Tuy nhiên, tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của UBND phường B1, chấm dứt Hợp đồng ký ngày 14/12/2009 giữa UBND thị trấn B1 với Công ty S là không phù hợp.

[2]. Về nội dung: Từ việc xác định Công ty S đồng ý không tiếp tục thực hiện hợp đồng nên bản án sơ thẩm đã nhận định: các bên đều nhất trí không tiếp tục thực hiện hợp đồng, do vậy cần chấm dứt hợp đồng đã ký giữa UBND thị trấn B1 (nay là phường B1) với Công ty ngày 14/12/2009 theo Điều 422 của Bộ luật Dân sự. Hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng thực hiện theo Điều 427 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên bản án sơ thẩm không lập luận làm rõ các thỏa thuận trong hợp đồng không số giao kết giữa hai bên? Không xác định hủy bỏ hợp đồng trong vụ án này thuộc trường hợp nào theo quy định tại các Điều 423, 424, 425 Bộ luật Dân sự để áp dụng các quy định tại khoản 5 Điều 427 Bộ luật Dân sự xác định có việc vi phạm nghĩa vụ hay không? trách nhiệm dân sự do không thực hiện đúng nghĩa vụ như thế nào? Ai là người chịu trách nhiệm? Về lỗi của UBND phường B1, Công ty S chưa được làm rõ chỉ ghi chung chung Công ty S cũng có lỗi nên phải chịu phần lỗi tương ứng với giá trị khấu hao tài sản mà Công ty đã đầu tư,... UBND thị xã P1 trả 7.237.129.866đ là không có cơ sở.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm trong việc thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ mà những vấn đề này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như kháng cáo của Công ty S và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[3]. Về án phí: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tòa án cấp sơ thẩm sẽ quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khi giải quyết lại vụ án.

Từ những nhận định trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh T giải quyết, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu S số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0000105 ngày 29/4/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh T. Án phí, tạm ứng án phí và chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T (kèm HSVA);
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà